

Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế Hải Phòng

ĐÀO VĂN HIỆP

Cơ cấu kinh tế ngành ở Hải Phòng 2 thập kỷ qua có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, khai thác tốt hơn ưu thế tự nhiên của thành phố, từng bước đáp ứng xu thế phát triển và nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, đứng trước những yêu cầu mới của nền kinh tế thời kỳ 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020, cần xác định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành Hải Phòng cho phù hợp với tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế. Theo tinh thần đó, bài viết đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của Hải Phòng từ năm 1990 – 2010 và đề xuất định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành những năm tiếp theo, với mục tiêu đưa Hải Phòng trở thành địa phương có nền kinh tế phát triển trong vùng tam giác kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

1. Khái quát thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Hải Phòng những năm 1990 – 2010

1.1. Tình hình chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ các ngành kinh tế của Hải Phòng

Thứ nhất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành công nghiệp. Với tốc độ tăng trưởng vượt trội, vai trò công nghiệp trong nền kinh tế Hải Phòng được khôi phục và từng bước nâng lên với tốc độ cao, bình quân trên 18%/ năm. Giá trị sản xuất công nghiệp cứ 5 năm là tăng gấp 2 lần. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2009 gấp gần 40 lần so với năm 1990. Cơ cấu sản phẩm, mặt hàng được thay đổi phù hợp với tiềm năng lợi thế của Hải Phòng, phù hợp với xu thế phát triển của thị trường trong nước và quốc tế. Nhiều sản phẩm có tốc độ tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn trong công nghiệp Hải Phòng như: xi măng gần 5 triệu tấn/năm; phối thép trên 1 triệu tấn/năm; thép xây dựng hơn 1 triệu tấn, đóng tàu, cáp điện.

Trên địa bàn thành phố đã hình thành mạng lưới khu, cụm công nghiệp với tổng số hơn 50 khu và diện tích trên 15.000 ha. Nhiều khu, cụm công nghiệp có điều kiện cơ

sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại thu hút được nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư với những mặt hàng, sản phẩm công nghệ cao phục vụ xuất khẩu, như các khu công nghiệp Nomura, Đình Vũ, Đồ Sơn, Trảng Duệ, Nam cầu Kiền... Để đáp ứng yêu cầu phát triển của Hải Phòng, tháng 1-2008, Chính phủ đã quyết định cho phép Hải Phòng thành lập Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải quy mô hơn 21.000 ha với các hạt nhân chính là Cảng cửa ngõ quốc tế tại Cát Hải, các khu công nghiệp Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Khu Đô thị - công nghiệp VSIP, Khu Đô thị - công nghiệp Nam Trảng Cát...

Sự phát triển công nghiệp Hải Phòng thể hiện ở cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp có sự chuyển biến mạnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng một số ngành công nghiệp có nhiều lợi thế như: luyện kim, cơ khí nặng, là hai ngành mới dựa trên lợi thế của Cảng, các ngành công nghiệp giấy xuất khẩu, giấy dếp tăng nhanh tỷ trọng do khai thác lợi thế về xuất khẩu và lao động rẻ. Cơ cấu công nghiệp cũng đã hướng tới khai thác mạnh những tài nguyên của địa phương và những lợi thế truyền thống như: đóng tàu, xi măng, nhựa, hóa chất và đạt tốc độ tăng cao hàng

Đào Văn Hiệp, TS., Trường đại học Hải Phòng.

năm. Nhiều mặt hàng, sản phẩm góp phần quan trọng trong chiến lược mở rộng xuất khẩu, hoặc thay thế hàng nhập khẩu như: phôi thép, thép xây dựng, thép kết cấu, cáp điện, phụ kiện ô tô, tàu thủy.... Từ năm 2001 đến 2010 ngành đóng mới và sửa chữa tàu biển đã có bước phát triển đột biến, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 48,2%/năm. Năm 2001 giá trị sản xuất công nghiệp của ngành mới đạt 577 tỷ đồng, năm 2007 đã nâng lên 5.250 tỷ đồng. Từ chỗ chỉ chiếm tỷ trọng 5,5% trong công nghiệp Hải Phòng năm 2001, đến năm 2010 đã chiếm trên 15% trong giá trị sản xuất công nghiệp... Các nhà máy Nam Triệu, Phà Rừng, Bạch Đằng được đầu tư lớn về thiết bị, công nghệ. Từ đó đến nay, ngành đóng tàu của Hải Phòng đã đóng được tàu trọng tải 53.000 tấn, chất lượng cao, mẫu mã đẹp, đạt tiêu chuẩn kiểm định nghiêm ngặt của ngành hàng hải quốc tế. Đến năm 2010, Hải Phòng đã xuất khẩu được tàu biển sang các nước: Xingapo, Nhật Bản, Đan Mạch, Hy Lạp, Irắc và đặc biệt là Vương quốc Anh - nơi có nền công nghiệp đóng tàu lâu đời và hiện đại hàng đầu thế giới. Năm 2007, ngành công nghiệp đóng tàu Hải Phòng đã đạt kim ngạch xuất khẩu khoảng 100 triệu USD - mức kỷ lục trong nhiều năm gần đây, tạo vị thế mới trong hội nhập sau một năm nước ta chính thức là thành viên WTO. Sản phẩm công nghiệp đã chiếm tỷ trọng hơn 80% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp: những năm qua kinh tế nông nghiệp Hải Phòng phát triển theo hướng đa dạng hóa, thâm canh, chuyên canh những cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, có thị trường tiêu thụ nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của mỗi địa phương, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích. Do đó cơ cấu nông nghiệp được chuyển dịch từng bước theo hướng giảm tỷ trọng giá trị trồng trọt, tăng tỷ trọng giá trị chăn nuôi. Cụ thể, ngành trồng trọt phát triển nhanh với tốc độ tăng bình quân 8% năm thời kỳ 1991 - 1995,

thời kỳ 1996 - 1999 tăng chậm lại với mức bình quân 5,5% năm. Ngành chăn nuôi phát triển với tốc độ tăng bình quân 11,5% năm thời kỳ 1991 - 1995 và 7,4% thời kỳ 1996 - 1999. Trong thời kỳ 2006-2010 giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm 40-42% giá trị toàn ngành nông nghiệp.

Ngành thủy sản có tốc độ tăng trưởng bình quân trên dưới 10% năm thời kỳ 1991 - 1995. Những năm gần đây được Nhà nước quan tâm bằng nhiều cơ chế, chính sách và biện pháp, trong đó có chính sách tín dụng cho vay đầu tư vào chương trình đánh bắt thủy sản xa bờ. Nhờ đó giá trị sản xuất toàn ngành đạt tốc độ tăng bình quân 12,5% năm thời kỳ 1996 -1999. Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng bình quân 9,25% năm và chiếm tỷ trọng 15% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố. Ngành lâm nghiệp Hải Phòng không có rừng kinh doanh khai thác, chủ yếu là rừng phòng hộ ven biển và môi sinh.

Xét chung trong cả giai đoạn 1990-2010, tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp luôn đạt ở mức trên 5%/năm. Đến năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng hơn 4 lần so với năm 1990. Giá trị sản xuất nông nghiệp trên đất canh tác đạt bình quân 75 triệu đồng/ha/năm, nhiều diện tích đạt trên 100 triệu đồng/ha/năm. Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp cũng có sự chuyển đổi tích cực. Tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp tăng cao. Trong nhóm trồng trọt các loại cây có giá trị dân chiếm ưu thế, nhiều sản phẩm rau sạch, rau có chất lượng cao tăng đáng kể. Kinh tế trang trại, gia trại phát triển, hình thành các khu chăn nuôi tập trung ở Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão; các khu nông nghiệp công nghệ cao, rau sạch... ở Đồ Sơn, Kiến Thụy, An Lão, Thủy Nguyên, An Dương.

Nhìn chung cơ cấu nội bộ từng ngành cũng như cả nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp có sự chuyển dịch nhưng chậm. Tỷ trọng ngành thủy sản tăng nhanh trong những năm 1990 - 1995, nhưng trong giai đoạn năm 2000 đến nay tăng chậm lại do

nguồn lợi ven bờ cạn kiệt, đầu tư cho đánh bắt ngoài khơi xa còn ít cả về vốn và phương tiện đánh bắt, chưa chú trọng đúng mức đến đầu tư phát triển nuôi trồng theo hướng công nghệ sinh học. Diện tích đất canh tác bình quân đầu người thấp, chậm được cải thiện làm cho sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp kém phát triển, thiếu khả năng chuyên canh quy mô lớn, nên đã làm cho cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch chậm.

Thứ ba, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành dịch vụ: cơ cấu dịch vụ những năm qua có nhiều thay đổi với nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời. Do chuyển từ bao cấp sang xã hội hóa, nên một số lĩnh vực kinh doanh dịch vụ trước đây chỉ có Nhà nước, nay đã có sự tham gia mạnh mẽ của các thành phần kinh tế khác như trong thương mại, y tế, giáo dục - đào tạo...

Nhìn chung, cơ cấu dịch vụ Hải Phòng chuyển dịch phù hợp với lợi thế của Thành phố Cảng và nhu cầu của thị trường, cụ thể là các ngành dịch vụ cảng, vận tải, hàng hải, xuất nhập khẩu rất phát triển, tỷ trọng dần nâng lên. Một số ngành dịch vụ đáp ứng nhu cầu cần thiết cho các hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường đã được quan tâm và có chiều hướng phát triển như tín dụng, tư vấn, thông tin quảng cáo, xúc tiến thương mại, dịch vụ đô thị... Nhờ vậy từ năm 2000 tốc độ tăng trưởng GDP nhóm dịch vụ luôn tăng trưởng trên 10%/năm và luôn cao hơn tốc độ tăng GDP chung và góp phần quan trọng cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hải Phòng. Đến năm 2010 đã chiếm tỷ trọng 53% trong cơ cấu GDP.

Trong nhóm ngành dịch vụ, hoạt động vận tải có tốc độ tăng trưởng cao và thường chiếm xấp xỉ 40% trong tổng GDP nhóm dịch vụ. Trong vận tải đã hình thành việc vận tải đa phương thức, chuỗi dịch vụ trong hoạt động vận tải biển quốc tế. Đội tàu biển của thành phố phát triển khá nhanh: số lượng, công suất tàu vận tải biển tăng nhanh, hiện tại Hải Phòng có khoảng 500 tàu biển, tổng trọng tải gần 1,4 triệu DWT;

tuổi tàu bình quân giảm nhanh do trang bị thêm nhiều tàu mới. So với cả nước vận tải biển của Hải Phòng chiếm gần 50% về phương tiện và trên 40% về khối lượng hàng hóa vận tải. Chỉ tính riêng xe tải nặng và đầu kéo, xe chở container đã xấp xỉ 4.000 phương tiện.

Hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu cũng có tốc độ tăng trưởng cao. Lưu chuyển hàng hóa bán lẻ luôn tăng trưởng trên 20%/năm và có những thời kỳ tăng xấp xỉ 30%.

Hoạt động xuất nhập khẩu diễn ra khá sôi động và tăng trưởng nhanh. Nếu như năm 1990 kim ngạch xuất khẩu của Hải Phòng là xấp xỉ 50 triệu USD, thì năm 2010 dự kiến đạt 2.000 triệu USD, tăng gấp 40 lần. Cơ cấu mặt hàng, sản phẩm cũng đa dạng, phong phú hơn, nhiều mặt hàng xuất khẩu mới như thiết bị cơ khí, cáp điện, linh kiện robot, linh kiện điện thoại, thiết bị áp lực, tàu biển.... tỷ trọng mặt hàng sản xuất tăng nhiều, các sản phẩm xuất thô, gia công giảm đáng kể. Thị trường xuất khẩu không ngừng được mở rộng. Nếu như trước thời kỳ đổi mới các sản phẩm của Hải Phòng chủ yếu xuất khẩu sang Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu, thì đến nay các doanh nghiệp của Hải Phòng đã có quan hệ thương mại với trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ. Nhiều mặt hàng, sản phẩm sản xuất tại Hải Phòng đã được xuất khẩu sang các thị trường lớn như: Hoa Kỳ, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Châu Phi, Tây Âu, Nhật Bản, Úc...

Hoạt động nhập khẩu cũng tăng tương xứng với hoạt động xuất khẩu và góp phần quan trọng cho hoạt động sản xuất cũng như tiêu dùng. Việc nhập khẩu chủ yếu tập trung vào máy móc thiết bị cho các dự án đầu tư, một phần nguyên, nhiên, phụ liệu cho sản xuất, gia công.

Ngành du lịch cũng được quan tâm đúng mức; các khu du lịch Đồ Sơn, Cát Bà được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ. Đến năm 2010

Định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành...

trên địa bàn thành phố đã có 206 cơ sở, với xấp xỉ 6.000 phòng, trong đó có 102 cơ sở với tổng số 4.000 phòng được xếp hạng từ đủ tiêu chuẩn đến hạng 4 sao, chiếm 49,5% tổng cơ sở lưu trú và 64,4% tổng số phòng. Lượng khách đến du lịch Hải Phòng năm 2010 đã đạt xấp xỉ 4,5 triệu lượt người (riêng khách đến Cát Bà năm 2009 đã đạt trên 1 triệu lượt khách), tính thời vụ với các khu du lịch đã từng bước được khắc phục.

Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm được hình thành khá nhanh so với yêu cầu sản xuất, kinh doanh và hội nhập. Tính đến năm 2010 trên địa bàn đã có gần 40 chi nhánh ngân hàng trong và ngoài nước và hơn 10 chi nhánh bảo hiểm hoạt động góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế, mở rộng kênh huy động vốn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và từng bước hình thành trung tâm tài chính vùng, khu vực...

Cơ cấu tổng sản phẩm ngành kinh tế Hải Phòng (theo giá thực tế)

Đơn vị tính: %

Ngành kinh tế	2000	2005	2010
Toàn bộ	100,00	100,00	100,00
1. Công nghiệp - xây dựng	34,1	36,2	37,0
1.1. Công nghiệp	28,3	29,2	30,5
- Công nghiệp khai thác mỏ	0,5	0,7	0,9
- Công nghiệp chế biến	26,0	26,9	28,2
- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	1,7	1,7	1,3
1.2. Xây dựng	5,8	7,0	6,5
2. Nông - lâm - ngư nghiệp	17,8	13,0	10,0
2.1. Nông nghiệp và lâm nghiệp	15,1	10,2	7,6
- Nông nghiệp	14,8	10,1	7,5
- Lâm nghiệp	0,3	0,1	0,1
2.2. Thủy sản	2,7	2,8	2,4
3. Dịch vụ	48,1	50,8	53,0
3.1. Thương nghiệp	8,6	10,6	12,5
3.2. Khách sạn nhà hàng	2,3	2,5	3,9
3.3. Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc	16,8	17,2	13,3
3.4. Quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng	5,3	4,8	5,5
3.5. Hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	4,9	4,6	5,1
3.6. Giáo dục và đào tạo	4,0	4,4	5,5
3.7. Y tế và cứu trợ xã hội	1,6	1,4	1,5
3.8. Thuế nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ	2,7	2,1	3,5
3.8. Tài chính tín dụng	-0,3	1,2	1,5
3.9. Các hoạt động dịch vụ khác	2,2	2,0	0,7

Nguồn: Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2010.

1.2. Một số nhận xét về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế Hải Phòng

Từ những nội dung phân tích trên về sự chuyển dịch cơ cấu nhóm ngành kinh tế và cơ cấu nội tại một số ngành kinh tế, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, cơ cấu kinh tế có sự chuyển

dịch theo hướng công nghiệp hóa. Tỷ trọng sản xuất công nghiệp, dịch vụ tăng trong cơ cấu kinh tế của thành phố. Cơ cấu nhóm ngành tính theo GDP có thay đổi theo hướng chủ yếu là tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, xây dựng và giảm tỷ trọng của sản xuất nông nghiệp. Nhóm ngành công nghiệp,

xây dựng tăng từ 34,1% (2000) lên 37,0 (2010), nhóm ngành dịch vụ tăng từ 48,1% (2000) lên 53,0% (2010), nhóm ngành nông nghiệp từ 17,8 % (2000) giảm xuống còn 10,0% (2010).

Thứ hai, cơ cấu kinh tế đã được chuyển dịch theo hướng khai thác tốt hơn ưu thế tự nhiên của thành phố. Tỷ trọng các ngành, sản phẩm có năng suất, hiệu quả kinh tế - xã hội được nâng lên. Là thành phố cảng, lợi thế về vận tải, thương mại được phát huy, thương mại, vận tải chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của thành phố.

Thứ ba, cơ cấu kinh tế được chuyển dịch phù hợp với xu thế phát triển và nhu cầu của thị trường. Cơ cấu kinh tế mới được hình thành vừa từ kết quả của sự phát triển vừa góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế, khôi phục thúc đẩy nền kinh tế phát triển, giải quyết việc làm.

Thứ tư, tuy nhiên chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Hải Phòng đang đứng trước những khó khăn, thách thức. Điều đó thể hiện ở chỗ:

- Sự chuyển dịch còn chưa thực mạnh. Quy mô và tốc độ chuyển dịch còn nhỏ bé, do vậy cơ cấu chưa có được sự thay đổi lớn, chưa tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ, bền vững và có hiệu quả của nền kinh tế Thành phố.

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã diễn ra còn nhiều phần mang tính tự phát, thụ động dưới sự tác động của cơ chế thị trường, thiếu sự chủ động mang tính chiến lược có quy hoạch, kế hoạch với tầm nhìn xa và được thực hiện có trọng tâm.

- Chuyển sang cơ chế mới, Hải Phòng cũng như cả nước chưa xây dựng được chiến lược tổng thể cũng như quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội dài hạn để định hướng và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Công tác dự báo xây dựng những chỉ tiêu kinh tế còn thiếu căn cứ khoa học và thực tế khó lường hết những tác động của tình hình kinh tế khu vực và quốc tế

- Hiện còn thiếu, hoặc chưa có chính sách thích hợp để huy động các nguồn lực thực hiện chuyển dịch cơ cấu theo hướng đã định. Nguồn vốn đầu tư trong nước còn rất hạn chế, nhất là từ khi xóa bỏ cơ chế tập trung bao cấp. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài đã được Thành phố quan tâm chú ý, nhưng phần lớn các dự án đầu tư nước ngoài lại vào các công trình lớn, có khả năng tác động mạnh mẽ đến cơ cấu, nhưng mới ở giai đoạn xây dựng, đang dần được đưa vào khai thác, gần đây lại có xu hướng suy giảm.

Công tác quản lý nhà nước cũng như của các doanh nghiệp, doanh nhân trong cơ chế thị trường còn nhiều lúng túng, yếu kém gây lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng đến hiệu quả chuyển dịch.

2. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của Hải Phòng thời kỳ 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020

Để giữ vững tốc độ tăng trưởng GDP ổn định trên 13,5-14%/năm trong điều kiện phục hồi kinh tế sau khủng hoảng tài chính kinh tế quốc tế, cần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung cao cho tiến trình tái cấu trúc cơ cấu kinh tế thành phố theo hướng phát triển chiều sâu, coi trọng hiệu quả và đảm bảo phát triển bền vững, làm cơ sở để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng.

Định hướng chung của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Hải Phòng là, trên cơ sở xác định rõ những yếu tố tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh của thành phố để điều chỉnh cơ cấu kinh tế một cách hợp lý theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Theo đó cơ cấu chuyển dịch theo hướng tập trung phát triển các ngành thành phố có nhiều lợi thế, gắn với thị trường, có khả năng cạnh tranh mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Đó là các ngành khai thác thế mạnh của thành phố,

của cảng biển thuận lợi cho sản xuất hàng xuất khẩu, hàng thay thế nhập khẩu công kênh, trọng lượng lớn, độc hại không thích hợp với vùng sâu trong nội địa, các ngành sử dụng tài nguyên của địa phương vùng Bắc Bộ và ngành công nghiệp truyền thống. Cơ cấu chuyển dịch theo hướng đồng bộ hơn, nhất là từ những ngành đầu tàu phát triển, các ngành cung ứng nguyên vật liệu, dịch vụ liên quan, nâng cao trình độ hiện đại hóa và hiệu quả của cơ cấu kinh tế ngành với tăng trưởng các ngành, sử dụng thiết bị công nghệ hiện đại, tăng hàm lượng chất xám, tiếp tục đa dạng hóa cơ cấu, hạn chế đến mức thấp nhất tính phiến diện của cơ cấu nhưng vẫn đảm bảo được hiệu quả. Đồng thời thực hiện đổi mới cách thức tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố, cân đối giữa tăng trưởng theo chiều rộng và chiều sâu; huy động tối đa các nguồn lực để đảm bảo tăng trưởng với tốc độ cao, bền vững và liên tục.

Huy động tối đa các nguồn lực, nhất là nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, trong đó vốn nội lực là chủ yếu, đồng thời coi trọng thu hút FDI và các nguồn vốn viện trợ; khai thác có hiệu quả các công trình dự án đã đầu tư. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung thực hiện nhiệm vụ đổi mới cách thức tăng trưởng và điều chỉnh đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Coi trọng đầu tư phát triển các ngành sản phẩm công nghiệp, dịch vụ nhiều lợi thế, có khả năng đóng góp lớn cho tăng trưởng và ngân sách. Phát triển hợp lý các ngành có công nghệ cao, giảm chi phí sản xuất, giảm sức tiêu hao năng lượng và vật tư nguyên liệu trong sản phẩm; tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nhằm đẩy nhanh thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đầu tư phát triển các nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; đồng thời quan tâm đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội trọng tâm, lĩnh vực đảm bảo an sinh xã hội,

quốc phòng và an ninh,... đẩy mạnh xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao.

Đổi mới cách thức khuyến khích thu hút đầu tư, cân bằng hơn nữa giữa đầu tư cho xuất khẩu và đầu tư cho tiêu dùng nội địa, giữa công nghệ cao và công nghệ thâm dụng lao động, giữa sản xuất trực tiếp và gia công; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận với các nguồn lực như mặt bằng, hạ tầng, thông tin, lao động,... nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thu hút đầu tư, khơi dậy các nguồn lực, phát huy có hiệu quả các yếu tố tiềm năng, thế mạnh của Thành phố.

Trên tinh thần đó, chuyển dịch cơ cấu và phát triển các ngành kinh tế của Hải Phòng những năm tới trong tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế tập trung vào các hướng sau đây:

Thứ nhất, chuyển dịch cơ cấu và phát triển ngành công nghiệp.

Với lợi thế của Thành phố Cảng, phát triển công nghiệp đặc biệt là lợi thế phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, trong điều kiện mở rộng giao lưu quốc tế lại có sức thu hút đầu tư nước ngoài. Hơn nữa, Hải Phòng được coi là một trong những cực tăng trưởng, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đẩy mạnh xuất khẩu thay thế nhập khẩu. Do đó ngành công nghiệp phát triển với tốc độ vượt trội hơn các tỉnh khác của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các ngành kinh tế khác. Những năm 2011-2015 tốc độ tăng bình quân của công nghiệp là 12,7-13,7%. Với tốc độ tăng này, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong tỷ trọng GDP của cả Thành phố vẫn duy trì ở mức 37% năm 2015. Như vậy vấn đề là ở chỗ, thay đổi cơ cấu của ngành công nghiệp Hải Phòng sẽ là định hướng cơ bản của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Hải Phòng, đồng thời cũng là cơ sở cho định hướng thu hút đầu tư, nhất là cho các ngành trọng điểm mũi nhọn công nghiệp để thực

hiện các mục tiêu đã nêu ra.

Trong công nghiệp, cần tập trung phát triển mạnh các ngành mũi nhọn dệt may, giấy dép, giấy, vật liệu xây dựng, đóng tàu, chế biến thực phẩm xuất khẩu, cơ khí nặng, dầu khí đốt... Các ngành phục vụ các ngành đó như sản xuất cung cấp nguyên vật liệu, thiết bị cho sản xuất giấy dép, đóng tàu, phụ gia thiết bị xi măng. Đồng thời quan tâm phát triển các ngành công nghệ cao như tin học, điện tử, vật liệu mới, sinh học.

Trong những năm tới, cần đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng chủ trọng nâng cao trình độ công nghệ, chế tác, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, thân thiện môi trường. Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao trong tổng GDP đạt 30% và tỷ lệ sản phẩm công nghệ chế tạo là 35%. Điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp một cách đồng bộ cả về sản phẩm, thị trường và nguồn lực đầu tư theo hướng phát triển mạnh các ngành, sản phẩm có lợi thế, sản phẩm xuất khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, có giá trị gia tăng cao và khả năng đóng góp lớn vào GDP Thành phố. Hướng ưu tiên tập trung phát triển trong những năm tới là những ngành có truyền thống, mũi nhọn, có nhiều lợi thế.

Về đóng tàu, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền. Đến năm 2015 đóng mới được tàu hạng 100.000 DWT, tàu chở dầu, tàu chở container, đáp ứng 40-50% nhu cầu cả nước, 80% nhu cầu sửa chữa tàu trong vùng Bắc Bộ, 30-40% nhu cầu cả nước về sửa chữa tàu biển, tốc độ tăng trưởng trung bình 25-30%/ năm.

Đẩy mạnh sản xuất thép đạt sản lượng 2-2,5 triệu tấn vào năm 2015; sản lượng xi măng ổn định 5 triệu tấn/năm.

Tập trung đầu tư, nghiên cứu, sáng tạo mẫu mã, nâng cao chất lượng và hiệu quả các ngành chế tạo phương tiện, thiết bị, phụ tùng cho công nghiệp giấy, điện, vận tải đường sắt; điện lực, phân bón, hóa chất, xi măng, điện tử, giấy dép và dệt may, các

ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ các ngành trên. Nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa, từng bước chủ động sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng cường liên doanh, liên kết. Đây là cách tối ưu để Hải Phòng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào mạng sản xuất trong khu vực và toàn cầu.

Chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống. Đẩy mạnh triển khai một số dự án lớn như dự án DAP, dự án nhà máy nhiệt điện 600 MA, các dự án sản xuất phôi và cán thép, dự án xây dựng nhà máy chế tạo cơ khí nặng, dây chuyền 2 xi măng Chínfon. Xây dựng và thu hút lấp đầy các khu, cụm công nghiệp trong Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, các khu đô thị lớn... Chủ động phối hợp với các tỉnh trong khu vực để xây dựng các nhà máy chế biến nông sản, hải sản tập trung tại Hải Phòng. Phấn đấu đưa tỷ trọng công nghiệp xây dựng đến năm 2015 chiếm trong GDP khoảng 37%, tăng trưởng bình quân đạt 12,7-13,7%/năm.

Đẩy mạnh áp dụng cơ khí hóa, tự động hóa trong sản xuất công nghiệp. Có cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, quản lý hiện đại, tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm để chủ động và đứng vững trong hội nhập khu vực và quốc tế. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp nhằm thu hút đầu tư, cũng như giải quyết yêu cầu phát triển với việc xử lý môi trường tạo sự phát triển đồng bộ và bền vững. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn...

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu và phát triển các ngành dịch vụ.

Xu hướng phát triển của các nước cho thấy nền kinh tế càng phát triển, thì mức tăng trưởng của dịch vụ sẽ vượt trội so với sản xuất vật chất và ngành dịch vụ sẽ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, vị trí trong nền kinh tế ngày càng được nâng cao. Trong cơ cấu đầu tư, nguồn đầu tư đổ vào khu vực dịch vụ tăng ngày một nhanh. Dịch vụ là thế mạnh

tiềm năng của Thành phố Cảng, vì vậy cơ cấu tỷ trọng GDP dịch vụ phải chiếm trên 57% vào những năm sau 2015.

Một số chuyên ngành phải trở thành lĩnh vực mũi nhọn phát triển trong mối quan hệ ngày càng được mở rộng cùng với sự hình thành các khu du lịch quốc tế, khu công nghiệp, khu kinh tế tổng hợp, khu thương mại tự do, các khu đô thị mới; các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, dịch vụ, vận tải (đường hàng không, đường sắt, đường biển, đường sông, đường bộ,...), các loại hình dịch vụ cao cấp (ngân hàng, bảo hiểm, tài chính, giáo dục đào tạo, y tế, thể dục thể thao...) và các loại hình dịch vụ khác. Phát triển mạnh du lịch với nhiều loại hình khác nhau, xây dựng khu du lịch quốc tế Cát Bà, Đồ Sơn. Phấn đấu tăng trưởng bình quân cả nhóm ngành dịch vụ đạt trên 14,4%-15%/năm.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm trên cơ sở tăng tỷ lệ nội địa hóa, giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu của Hải Phòng đến năm 2015 đạt 4 tỷ USD, năm 2020 đạt trên 5 tỷ USD.

Tập trung đầu tư, đẩy mạnh phát triển các ngành các lĩnh vực có nhiều lợi thế theo thứ tự ưu tiên: hệ thống cảng, dịch vụ cảng và vận tải biển; công nghiệp biển, các khu kinh tế khu công nghiệp ven biển; kinh tế thủy sản; du lịch biển; khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển; phát triển các huyện đảo. Chú trọng phát triển các dịch vụ kinh tế biển, mở rộng hoạt động logistics trong các lĩnh vực vận tải.

Thứ ba, chuyển dịch cơ cấu và phát triển nông - lâm - ngư nghiệp.

Phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa nông sản có chất lượng và hiệu quả, gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, nâng cao thu nhập trên một đơn vị ha canh tác.

Từng bước đổi mới mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, nông nghiệp phục vụ đô thị (hình thành các vành đai rau sạch, hoa và cây cảnh, quả...), áp dụng ngày càng nhiều thành quả khoa học công nghệ, công nghiệp (cơ giới, điện lực, công nghệ sinh học) nhằm tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm,... Chuyển dịch mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; từng bước giảm quy mô và tỷ trọng ngành trồng trọt và sản xuất lương thực, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, chiếm trên 50% giá trị sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi lợn xuất khẩu với quy mô công nghiệp. Khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình, làm tốt chính sách "ly nông bất ly hương, ly nông bất ly gia". Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học, coi đây là hướng đột phá quan trọng nhất để phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Phát triển đồng bộ ngành thủy sản, cá nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, dịch vụ. Triển khai mô hình các trung tâm sản xuất, cung cấp giống cá biển, giống các loại thủy sản, nhuyễn thể... Xây dựng Hải Phòng thành trung tâm dịch vụ, chế biến, xuất khẩu thủy sản của miền Bắc (với các trung tâm Cát Bà, Bạch Long Vĩ), là hướng đột phá giúp phân tầng trưởng kinh tế Thành phố. Tăng trưởng bình quân của cả nhóm ngành nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 4,5% năm.

3. Kết luận

Như vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2015 chủ yếu là sự thay đổi cơ cấu theo hướng tăng mạnh của tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, cùng với đó ổn định tỷ trọng sản xuất công nghiệp. Đáng

chú ý là sự chuyển dịch của cơ cấu kinh tế của Hải Phòng những năm 2011 - 2015 là sự biến đổi về chất, tăng tỷ trọng các ngành sản xuất công nghiệp với kỹ thuật hiện đại và gia tăng dịch vụ hiện đại trong công nghiệp và dịch vụ, đồng thời chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang phương thức sản xuất công nghiệp, hiện đại hóa. Tốc độ chuyển dịch cao theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cơ cấu kinh tế Hải Phòng một mặt thể hiện vai trò đầu tàu di trước của nơi có ưu thế phát triển công nghiệp, của địa bàn trọng điểm; mặt khác nó còn có khả năng thực tiễn do Hải Phòng với lợi thế của mình có điều kiện thu hút các nguồn lực to lớn để đầu tư phát triển công nghiệp từ các nguồn, đặc biệt là nguồn đầu tư nước ngoài mà thực tế các năm qua đã chứng minh. Hơn nữa điều này cũng thể hiện vai trò mà Hải Phòng cần phải gánh vác trong việc phát triển của vùng tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh những năm tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê thành phố Hải Phòng. *Niên giám thống kê Hải Phòng (1995, 1998, 2000, 2005, 2010)*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Thành ủy Hải Phòng (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XI*, Hải Phòng.
3. Thành ủy Hải Phòng (2000). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XI*, Hải Phòng.
4. Thành ủy Hải Phòng (2005). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XII*, Hải Phòng.
5. Thành ủy Hải Phòng (2010). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XIV*, Hải Phòng.
6. UBND Thành phố Hải Phòng (2005). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng 5 năm 2000 - 2005*, Hải Phòng.
7. UBND thành phố Hải Phòng (2010). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng 5 năm 2006 - 2010*, Hải Phòng.